

VIỆC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP TIẾNG TRUNG QUỐC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Đào Thị Thúy Hằng *

Tóm tắt: Cùng với việc phân tích, giới thiệu chung về tiếng Trung Quốc cũng như mối tương quan giữa tiếng Trung với tiếng Việt, bài viết nghiên cứu tình hình giảng dạy và học tập tiếng Trung Quốc trong các trường đại học ở Việt Nam theo từng mốc thời gian cụ thể; đồng thời nêu ra những ý nghĩa của việc học tiếng Trung đối với học sinh sinh viên trong thời điểm hiện nay.

Từ khóa: Tiếng Trung, giảng dạy, học tập, ý nghĩa.

Summary: Along with the analysis and general introduction about the Chinese language as well as the correlation between Chinese and Vietnamese, this article investigates the situation of Chinese language teaching and learning in universities in Vietnam according to each specific timeline; at the same time outlined the meaning of learning Chinese for students in the present time.

Keywords: Chinese, teaching, learning, meaning.

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hóa diễn ra hết sức mạnh mẽ, các quốc gia trên thế giới không ngừng đẩy mạnh hợp tác lẫn nhau trên nhiều lĩnh vực. Để quá trình hội nhập hóa đạt hiệu quả cao, ngoại ngữ là chiếc cầu nối quan trọng giúp kết nối các nước và các khu vực trên thế giới xích lại gần nhau hơn.

Tiếng Trung là một trong 5 ngoại ngữ phổ biến ở Việt Nam suốt bao năm qua (5 ngoại ngữ là: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Đức). Tiếng Trung là ngôn ngữ chính thức của người Trung Quốc. Ở Việt Nam, dạy và học tiếng Trung là một nhu cầu tất yếu và có cả một bề dày truyền thống. Với nhiều lý do khác nhau về vị trí địa lý, lịch sử - văn hóa, kinh tế - chính trị, ... tiếng Trung luôn hiện diện trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam.

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất hành tinh, với hơn 1,5 tỉ người, chiếm khoảng 25% dân số thế giới. Chính vì vậy, số người sử dụng tiếng Trung chiếm tỉ lệ rất lớn trên thế giới. Hiện nay, có rất nhiều quốc gia trên thế giới, như Anh, Mỹ, Canada, Đức, Hàn Quốc, ... đưa tiếng Trung vào dạy chính thức ở các cấp học.

Tại Việt Nam, trong chương trình giáo dục phổ thông, ngày 5 tháng 5 năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc học sinh được lựa chọn một trong bốn thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc làm ngoại ngữ thứ nhất. Trong đó, tiếng Nga và Trung sẽ được dạy học như ngoại ngữ thứ nhất từ lớp 6 đến lớp 12 theo chương trình hiện hành 7 năm. Nếu được phê duyệt, Ban quản lý Đề án Ngoại ngữ 2020 sẽ phối hợp với các trường đại học, các chuyên gia xây dựng chương

* Khoa Trung-Nhật,
Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

trình tiếng Nga và tiếng Trung hệ 10 năm, từ năm học 2017-2018. Từ đây có thể nhận thấy, tiếng Trung đang ngày càng được coi trọng hơn trong công tác giáo dục tại Việt Nam.

2. Giới thiệu chung về tiếng Trung Quốc

Tiếng Trung còn được gọi là tiếng Hán hay tiếng Hoa. Chữ viết Trung Quốc là một hệ chữ tượng hình. Chữ Hán, còn gọi là Hán tự, Hán văn, chữ nho. Chữ Hán có nguồn gốc bản địa, sau đó du nhập vào các nước lân cận trong vùng, bao gồm Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Tại các quốc gia này, chữ Hán được vay mượn để tạo nên chữ viết cho ngôn ngữ của dân bản địa ở từng nước. Tuy vậy, tất cả mọi người nói các thứ tiếng Trung Quốc khác nhau đều dùng chung một dạng văn viết thống nhất có từ đầu thế kỷ XX là bạch thoại, nghĩa là thứ tiếng bình dân dựa trên tiếng Quan thoại, dùng gần như cùng một bộ chữ Trung Quốc. Khoảng một phần năm dân số thế giới hiện nay dùng một trong những thứ tiếng Trung Quốc làm tiếng mẹ đẻ, khiến nó trở thành thứ tiếng đứng đầu thế giới về phương diện này.

Tiếng Trung Quốc nói ở thể Quan thoại chuẩn là ngôn ngữ chính thức của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa dân quốc tại Đài Loan, cũng như là một trong bốn ngôn ngữ chính thức của Singapore và là một trong sáu ngôn ngữ làm việc chính thức của Liên Hiệp Quốc. Tiếng Trung Quốc nói ở thể Quảng Đông chuẩn là một trong những ngôn ngữ chính thức của Hồng Kông (cùng với tiếng Anh) và của Ma Cao (cùng với tiếng Bồ Đào Nha).

Thuật ngữ và khái niệm mà người Trung Quốc sử dụng để phân biệt văn nói và văn viết không giống với phương Tây, do những sự khác biệt về phát triển chính trị và xã hội ở Trung Quốc so với châu

Âu. Mặc dù châu Âu phân chia thành nhiều nhà nước - quốc gia dựa trên khác biệt về ngôn ngữ sau khi đế quốc La Mã sụp đổ, Trung Quốc vẫn giữ được thống nhất về văn hoá và chính trị vào cùng thời kỳ đó và duy trì được thứ ngôn ngữ viết chung trong suốt thời kỳ lịch sử của nó, cho dù trên thực tế, sự đa dạng trong ngôn ngữ nói của Trung Quốc có thể sánh như châu Âu. Do đó, người Trung Quốc phân biệt rõ giữa “văn viết” và “văn nói”. Như vậy, quan niệm về sự thống nhất và khác biệt giữa văn viết và các dạng văn nói ở phương Tây rõ rệt hơn ở Trung Quốc.

3. Bối cảnh lịch sử và mối tương quan giữa tiếng Hán và tiếng Việt

Nhiều tác giả cho rằng chữ Hán du nhập vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ I TCN, ngay sau khi Trung Quốc xâm lược Việt Nam. Trong suốt một nghìn năm, từ thế kỷ I TCN tới năm 938, tiếng Việt bị ảnh hưởng mạnh mẽ của chữ Hán (hay còn gọi là chữ nho).

Nước Nam Việt được Triệu Đà thành lập vào thế kỷ thứ III TCN, khi nhà Tần đang thống nhất chữ viết (thời Chiến quốc, mỗi nước phát triển chữ viết khác nhau). Hơn một thế kỷ sau, khi Lưu Bang lật đổ nhà Tần, lập nhà Hán, sau đó xâm chiếm, thôn tính Nam Việt (khoảng năm 111 TCN). Cổ vật trong lăng mộ của Hán Văn Đế cho thấy chữ viết của Nam Việt khá hoàn chỉnh. Sau này, nhà sử học Lê Mạnh Thát phát hiện rằng, ngay cả Hán thư cũng dùng phương ngôn của người Việt. Trong suốt thời gian Bắc thuộc đó, với chính sách Hán hóa của nhà Hán, tiếng Hán đã được giảng dạy ở Việt Nam và người Việt đã chấp nhận ngôn ngữ mới đó song song với tiếng Việt, tiếng nói truyền miệng. Tuy người Việt Nam tiếp thu tiếng Hán và chữ Hán, nhưng đã Việt hóa nhiều từ tiếng Hán thành từ Hán - Việt. Vì thế,

đã có rất nhiều từ Hán - Việt đi vào trong từ vựng của tiếng Việt. Tuy nhiên, năm 938, sau chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền, người Việt không còn lệ thuộc vào phương Bắc nữa, nhưng ngôn ngữ vẫn còn đậm ảnh hưởng của tiếng Hán. Sang thời kỳ tự chủ của dân tộc, chữ Hán giữ địa vị là văn tự chính thức, nhưng cách đọc đã phát triển theo hướng riêng, khác với sự phát triển tiếng Hán ở Trung Quốc. Do nhu cầu phát triển, người Việt đã sử dụng chữ Hán để tạo ra chữ viết riêng, tức chữ Nôm. Trong khi đó, cổ văn Hán vẫn được coi là mẫu mực để noi theo.

4. Dạy và học tiếng Trung tại các trường đại học ở Việt Nam

Ở Việt Nam, dạy và học tiếng Hán là một nhu cầu tất yếu và có cả một bề dày truyền thống. Cùng với tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Đức, tiếng Hán là ngoại ngữ phổ biến ở Việt Nam suốt bao năm qua. Tiếng Hán ở Việt Nam có nhiều tên gọi khác nhau (như đã giới thiệu ở trên), hiện nay thường quen gọi là tiếng Hán, hoặc tiếng Trung. Gọi là “tiếng Hán”, vì nó quen thuộc gắn với văn hóa sinh hoạt của người Việt; gọi là “tiếng Trung”, vì nó gắn với nước Trung Hoa. Tuy nhiên, kể từ khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập và tiếng Hán hiện đại được sử dụng ở Việt Nam với tư cách là một ngoại ngữ, thì nó được gọi bằng cái tên chung là “tiếng Trung” (hay “tiếng Trung Quốc”) và được sử dụng làm tên gọi chính thức, với tư cách một môn học ngoại ngữ. Sự thống nhất cách gọi này đến mức ngay cả bộ sách giáo khoa phổ thông hiện nay cũng được thống nhất gọi là “tiếng Trung Quốc”, cho dù liền kề đó là hai chữ “汉语” (Hán ngữ).

Tiếng Hán hiện đại được dạy và học ở Việt Nam với tư cách là ngoại ngữ, nếu

nhìn toàn cục, thì đó là một ngoại ngữ thông dụng, mang tính liên tục. Nhưng nếu nhìn theo giai đoạn, cũng có những bước thăng trầm và theo đó, cách dạy và học cũng có những thay đổi.

Từ khoảng đầu những năm 50 và đầu những năm cuối 70 của thế kỷ XX, tiếng Hán hiện đại được dạy và học ở Việt Nam theo truyền thống của ngôn ngữ học cấu trúc: lấy các bài khóa làm trung tâm để học từ, học các mô hình câu,... Những bài học thời đó là những bài trích giảng văn học với đúng nghĩa của nó, nên mang nặng tính văn chương, được lấy từ các tác phẩm văn học nổi tiếng với cách sử dụng từ ngữ gọt dũa, hành văn theo lối điển phạm; cũng có khi là những bài viết về gương anh hùng trên báo, những bài bình luận chính trị,... Dạy và học tiếng Hán với tư cách ngoại ngữ, nhưng lại theo lối cảm thụ văn chương để nắm bắt ngôn từ. Còn về mặt ngôn ngữ, thì lấy phân tích ngữ pháp làm trọng. Cũng do điều kiện xã hội khi ấy, hầu như rất ít (nếu không muốn nói là không có) sinh viên có điều kiện tiếp xúc với người Trung Quốc. Hạn chế về mặt xã hội và theo đó, cũng hạn chế đến khả năng giao tiếp khẩu ngữ của sinh viên thời ấy. Nhưng bù lại, sinh viên chỉ tập trung vào các bài trong giáo trình, học thuộc các bài khóa. Có người học thuộc nhiều trang trong Tân Hoa từ điển và cũng vì thế mà tiếng Hán chuẩn mực ngấm sâu trong họ. Nhờ tiếp thu được những kiến thức một cách cơ bản chắc chắn, khi ra trường, họ có thể nhanh chóng đáp ứng được các công việc, để rồi từ đó, một số người trở thành những dịch giả có tiếng, những nhà nghiên cứu Hán học thành danh.

Sau những xáo trộn mang tính nhất thời, từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tiếng Trung lại ùa vào Việt Nam cùng với

con gió của “Đổi mới” ở Việt Nam và “Khai phóng” ở Trung Quốc. Hai trung tâm giảng dạy tiếng Trung lâu năm và lớn nhất của cả nước là Khoa Tiếng Trung thuộc Trường Đại học Hà Nội ngày nay và Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ của Đại học Quốc gia Hà Nội ngày nay.

Theo thống kê trong năm 2016, trong hơn 400 trường đại học và cao đẳng hiện nay trên cả nước, có tổng cộng 50 trường đào tạo chuyên ngành tiếng Trung: 30 trường đại học, cao đẳng phía Bắc, chiếm 60% và 20 trường đại học, cao đẳng phía Nam, chiếm 40% tổng số các trường đào tạo tiếng Trung tại Việt Nam.

Không còn nghi ngờ gì nữa, khái niệm “thị trường ngôn ngữ” (Language market) của ngôn ngữ học xã hội đã được bổ sung bằng thực tế dạy – học tiếng Hán nói riêng, ngoại ngữ nói chung ở Việt Nam: đó là mối quan hệ cung cầu, và tiếng Hán đã chứng tỏ là một trong những ngoại ngữ hàng đầu ở Việt Nam.

5. Ý nghĩa của việc học tiếng Trung

Thứ nhất, muốn hiểu sâu tiếng Việt, cần biết gốc gác của nó ra sao, tra cứu nó thế nào. Ví dụ, từ “*minh tâm*”, có nghĩa là “*sáng lòng*” (minh là sáng, tâm là lòng). Nhưng học trò thắc mắc: thế rừng *U Minh* là rừng *tối sáng* à? Không, vì *minh* trong trường hợp này lại là *tối*. *U Minh* có nghĩa là *mờ mịt*. Học trò lại hỏi: thế *đồng minh* là *cùng sáng* ư? Không, *đồng minh* là *cùng phe*, vì nó xuất phát từ nghĩa *cùng hội thể* (chữ minh là thể). Vậy làm thế nào để cô giáo trả lời học sinh những câu hỏi ấy, làm thế nào cho học sinh không hỏi cô mà cũng biết được. Có hai cách: (i) Học âm Hán - Việt, tự tra từ điển tiếng Việt. Đa số những người giỏi tiếng Việt hiện nay đều hình thành bằng con đường ấy. Nhưng thực ra họ cũng không thật tự

tin vì từ ngữ thì vô bờ, sai đúng lẫn lộn, người ta không thể tự tin hoàn toàn được. (ii) Học chữ Hán để có ấn tượng là chữ Hán rất nhiều từ đồng âm, nhiều nghĩa khác nhau. Sau đó biết cách tra từ điển. Từ điển chữ Hán có nhiều loại, rất phức tạp, phải học để có một chút vốn liếng mới tra được. Bằng cách này, có thể tự tra cứu, tự học tiếng Việt suốt đời.

Thứ hai, học chữ Hán để hiểu văn hóa Việt Nam, hiểu sâu tiếng Việt, từ đó có thể hiểu được vốn văn hóa Việt Nam, cảm thấy gắn bó với ông cha. Trước khi bỏ chữ Hán hoàn toàn vào đầu thế kỷ XX, toàn bộ di sản văn hóa Việt Nam được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm (một thứ chữ được hình thành từ chữ Hán). Văn hóa cổ, dù có được dịch ra tiếng Việt, như các công trình của Lê Quý Đôn chẳng hạn, nếu không có vốn chữ Hán nhất định, đọc vẫn rất khó hiểu. Đọc “Truyện Kiều”, nếu có biết chữ Hán, chữ Nôm thì mới hiểu thấu đáo cái hay của nó. Nếu có biết chút ít chữ Hán, khi đến các di tích văn hóa (đình chùa, miếu mạo), hoặc nhìn một tập thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, không cảm thấy xa lạ, là “*những đứa con thất cước của giống nòi*” (chữ của Hoài Thanh).

Sâu xa hơn, là người Việt, trong văn hóa Việt có một phần văn hóa Đông Á, coi trọng gia đình, sống cần kiệm, đề cao đức liêm chính, hiếu kính, hiếu học,... Tất cả những điều ấy có xấu không, có nên bỏ không và có bỏ được không? Xin không nói phương Tây không có điều ấy, đạo đức phương Tây được hình thành từ Thiên Chúa giáo và văn hóa truyền thống của họ, còn đạo đức ở nước ta thì từ văn hóa bản địa và văn hóa Đông Á (Nho, Đạo thuộc về văn hóa Hán, Phật thì gốc Ấn Độ).

Những điều ấy được các bậc hiền triết phương Đông nói rất hay và từ rất

sớm, các sách vỡ lòng chữ Hán ngày xưa vừa dạy chữ, vừa dạy người thông qua các sách đó rất thú vị và dễ nhớ. Vậy có nên học một chút tinh hoa từ đó qua sách chữ Hán nhập môn không? Nếu chỉ lo đuổi theo phương Tây và bằng lòng với ngôn ngữ chat, tin nhắn, với loại văn bản lộn nhon tiếng Anh lẫn tiếng Việt thì rõ ràng đó là nguy cơ cho sự trong sáng của tiếng Việt và mai một văn hóa truyền thống.

Thứ ba, học tiếng Hán để tăng thêm cơ hội tìm việc làm. Trong thời buổi hội nhập ngày nay, tiếng Anh được coi như ngôn ngữ quốc tế và dường như là một đòi hỏi bắt buộc từ các nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, khi hầu hết mọi sinh viên ra trường đều đã trang bị một vốn tiếng Anh nhất định nào đó, thì việc biết thêm một ngoại ngữ thứ hai sẽ làm cho bạn vượt trội hơn hẳn những ứng cử viên khác, đặc biệt là khi thi tuyển vào các công ty đa quốc gia. Vì vậy, ngoài tiếng Anh, xu hướng của sinh viên hiện nay là học thêm một ngoại ngữ nữa và ngôn ngữ được lựa chọn nhiều nhất phải kể đến là tiếng Trung.

Số lượng người học tiếng Trung mỗi năm một tăng trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Theo Tạp chí *Business World*, “nếu dựa trên tiêu chí số người sử dụng, thì tiếng phổ thông Trung Quốc là ngôn ngữ đứng đầu, với hơn 1 tỉ người, tiếng Anh có 508 triệu người; nếu kết hợp hai tiêu chí “mức độ phổ biến” (số quốc gia dùng thứ ngôn ngữ đó) và “số người sử dụng”, thì đứng đầu là tiếng Anh, sau đó là tiếng phổ thông Trung Quốc”. Nền kinh tế Trung Quốc hiện đứng thứ hai thế giới, có rất nhiều điểm mạnh. Đối với Việt Nam, Trung Quốc là nước láng giềng và là một đối tác quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế. Việt Nam phụ thuộc khá nhiều vào nguyên liệu sản xuất từ Trung Quốc. Ngày càng có nhiều dự án lớn, doanh nghiệp và doanh nhân Trung Quốc hoạt động tại Việt Nam,... Ngoài ra, lượng khách du lịch Trung Quốc tới Việt Nam chiếm tỉ lệ khá lớn trong tổng lượng khách quốc tế tới nước ta.

Với những điều đã trình bày ở trên, không có gì là khó hiểu khi nước ta rất cần nguồn nhân lực biết tiếng Trung./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Những điều cần biết về tuyển sinh đại học cao đẳng 2016*. Hà Nội.
2. Đại học Quốc gia Hà Nội (2015). *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia*.
3. Trường Đại học Hà Nội (2009). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế*.
4. Đoàn Lê Giang (2016). *Dạy chữ Hán cho học sinh*. Báo Pháp Luật thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Trí Dõi (2010). *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 21/10/2019

Ngày phản biện: 10/03/2020

Ngày duyệt đăng: 01/03/2021